

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 6 - 2024

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB-TỈNH PT**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Bích H.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Hiếu.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

N đơn: Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu 3, xã T H, huyện TB, tỉnh PT.

Bị đơn: Anh **Chu Phùng N**, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 3, xã T H, huyện TB, tỉnh PT. Địa chỉ hiện nay: Số 111 B Khu vực 2, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh LA.

(Chị H và anh N đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, N đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày:

Chị H và anh Chu Phùng N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 03/11/2008 tại UBND phường TV, thị xã PT, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 15 năm thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị xác định hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể

tiếp tục sống chung bên nhau nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Phùng N.

Về con chung: Chị H và anh Chu Phùng N có hai (02) con chung là cháu Chu Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 19/11/2009 và cháu Chu Như Phượng, sinh ngày 15/07/2014. Hiện hai cháu đang với ông Chu Quang T và bà Nguyễn Thị T (ông T, bà T là bố mẹ đẻ của anh N). Nay ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA, thu thập tài liệu, chứng cứ và tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Chu Phùng N trình bày:*

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh N và chị H có 02 con chung là Chu Thị Ngọc A, sinh ngày 19/11/2009 và cháu Chu Như P, sinh ngày 15/07/2014. Hiện hai cháu đang ở với ông bà nội tại khu 3, xã Thanh H, huyện TB, tỉnh PT.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay chị H có đơn yêu cầu được ly hôn, do vợ anh buồn nên xảy ra chuyện này, anh rất buồn. Anh có khả năng nuôi con nên anh yêu cầu được nuôi hai cháu Ánh, Phượng.

Quá trình giải quyết, anh đề nghị Tòa án không tiến Hành hòa giải và có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, các buổi hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt do anh đi làm xa, không có thời gian.

Qua xác minh ở địa phương và gia đình anh N, ông Chu Quang T là bố đẻ anh N cho biết: Anh N và chị H có mâu thuẫn nhỏ do anh N mãi chơi cờ tướng, đi về muộn dẫn đến chị H bỏ đi thuê nhà ở ngoài, không chung sống cùng anh N. Gia đình ông đã khuyên nhủ và hoà giải nhưng anh N và chị H vẫn chưa có tiếng nói chung. Hiện 02 con chung của anh N, chị H đang ở cùng ông Chu Quang T và bà Nguyễn Thị T tại khu 3, xã Thanh H, các cháu được đảm bảo về điều kiện ăn ở, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đầy đủ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT, tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp Hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã chấp Hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Chu Phùng N.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Chu Phùng N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Thị Ngọc Á, sinh ngày 19/11/2009; Giao cho chị Trần Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Như P, sinh ngày 15/07/2014.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị H và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa N đơn là chị Trần Thị Thu H và bị đơn là anh Chu Phùng N đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu 3, xã Thanh H, huyện TB, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị H và anh N xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H và anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt N đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Chu Phùng N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được UBND phường TV, thị xã PT, tỉnh PT đăng ký kết hôn ngày 03/11/2008, do vậy hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống.

Xét về tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh N thấy rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh N sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, N nhận là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng và không mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Phía anh N cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn; Nay anh N có quan điểm không muốn ly hôn với chị H. Xét yêu cầu của chị H và anh N thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, cụ thể qua xác minh tại gia đình anh N thì xác định cuộc vợ chồng giữa chị H và anh N có mâu thuẫn, anh N ham chơi cờ tướng hay về muộn, không quan đến chị H nên chị H đã bỏ ra ngoài không sống chung với anh N nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, còn yêu

cầu xin đoàn tụ của anh N là không thực tâm, bởi anh N không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn, hay để Hn gắn tình cảm vợ chồng, muốn đoàn tụ nhưng không đến Toà án để hoà giải;

Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho chị H được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị H và anh N hai (02) con chung là cháu Chu Thị Ngọc Á, sinh ngày 19/11/2009 và cháu Chu Như P, sinh ngày 15/07/2014. Hiện hai cháu đang ở với ông bà nội tại Khu 3, xã Thanh H, huyện TB, tỉnh PT. Xét yêu cầu được nuôi con của N đơn (chị H) và bị đơn (anh N) là phù hợp với điều kiện thực tế, vì vậy, giao cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Thị Ngọc Á, sinh ngày 19/11/2009; giao cho chị Trần Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Như P, sinh ngày 15/07/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, hai bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị H và anh N đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật.

[6]. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ để xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, Khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Chu Phùng N.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Chu Phùng N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Thị Ngọc Á, sinh ngày 19/11/2009; giao cho chị Trần Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Như P, sinh ngày 15/07/2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các tHnh viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị H và anh N không yêu cầu Toà án giải quyết nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng; Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001877 ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện TB, tỉnh PT.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục Thi Hnh án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND phường TV;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyện

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyến